

LỜI TỰA

LUẬN THẬP NHỊ MÔN

Tăng Duệ

Thập Nhị Môn Luận, đó vì là cốt lõi của Thật tướng, là mô phạm chính của đạo tràng. Thập nhị là mười tức số tổng gọi các chi. Môn là để gọi cho sự khai thông, không vướng ngại. Luận là muốn thấu đáo cái lý tận cùng nguồn đáy. Nếu không hiểu tận cùng cái lý một ấy thì rối loạn trong các mối khác; có hướng đi sai lệch, không rõ đích đến nguồn chỉ một thì lăm nã hoang sơ. Có lối đi vẫn đến, mà vẫn đến chẳng hay, lối sai chẳng hết. Chính là nỗi lo của bậc đại sĩ!

Vì thế, Bồ-tát Long-thọ mở ra con đường căn bản, tạo mười hai môn, để sửa cho đúng. Đúng lấy con đường lấy mười hai thì Có và Không đều phụ họa, sự không gì không trọn hết. Sự hiểu hết nơi Có, Không thì quên công nơi tạo hóa; lý thấu đáo ở vị hư, thì bỏ mất Ngã ở hai ranh giới. Thế tức là bỏ Ngã ở cái gọi là rơi vào giỏ nôm, mất Ngã ở cái gọi là còn sót gửi vào giỏ nôm. Ngã, giỏ nôm đều quên mất mới có thể ngộ hầu gọi là cái Thật. Gọi là cái Thật vậy thì hư thật cả hai chìm khuất, được, mất không còn ranh giới. Chìm mất, sâu thẳm mà không có ranh giới, tức có thể quên sự tạo tác lần lượt nơi lưỡng huyền, dứt đảo điên nơi lẽ Một, sửa cho ngay ngắn trở về đạo tràng, cuối cùng hướng đến tâm nơi Phật địa. Thật là vĩ đại! Đó mới thật sự đáng nói là lách lưỡi dao vào nơi không khoảng cách, cắt âm thanh hay trong vũ trụ, cứu người đắm đuối, bỏ mạng nơi bến huyền, vượt ra Có, Không ở ngoài cõi. Người như thế, thật là cái may mắn cho kẻ hậu học, được lấp vá

bằng phẳng con đường xấu, được khai thông nẻo tối tăm, thật sự được chống gậy hòa loan ở cửa Bắc, cưỡi trâu trắng hội Nam, ngộ đại giác trong cảnh mộng. Tức là trăm hoa để làm chỗ quay về an ổn.

Phàm người được như thế, tức người trí tuệ, lại biết được phương thịnh của diệu linh, cái chưa từng có của huyền lục.

Duệ, lấy sự hiểu biết nông cạn, thô vụng rất nhiều mà còn dám kết thân, dùng tâm thành như hư không, mong ôm lấy lẽ cùng tột của tông chỉ, nhiều ngày qua sử dụng có thích nghi, đợi năm tháng sẽ sinh khởi sắc. Huống là người tài, người giỏi ư?

Một lòng chí nhất kính ngưỡng, dám mạo muội đem suy nghĩ vụng vạt, lời lẽ ngu độn, làm lời tự giới thiệu giải bày và phẩm mục lục đề nghĩa ở đầu luận. Há mong có thể lợi ích, chỉ mong mở con đường ra nhanh để mau tiến đến thôi!



SỐ 1568

LUẬN THẬP NHỊ MÔN

Tác giả: Bồ tát Long Thọ.

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập.

Môn Thứ 1: QUÁN NHÂN DUYÊN

Giải thích: Nay sẽ giải thích tóm tắt nghĩa Ma ha diễn.

Hỏi: Giải thích Ma ha diễn có nghĩa lợi gì?

Đáp: Ma ha diễn là tạng pháp rất sâu của chư Phật trong mười phương nơi ba đời, vì người với căn nhạy bén và đại công đức mà nói. Chúng sinh bạc phước, với căn chậm lụt trong đời mạt, dù có tìm đọc văn kinh, cũng không thể hiểu rõ một cách thấu triệt. Ta xót thương những chúng sinh này, vì muốn cho họ khai ngộ và chính vì mục đích biểu dương pháp Đại thừa vô thượng của Như Lai, nên lược giải thích nghĩa Ma ha diễn.

Hỏi: Ma ha diễn vô lượng vô biên, không thể đếm kể, ngay như Phật ngữ mà còn không thể diễn tả hết, huống chi là giải thích, diễn rộng nghĩa ấy?

Đáp: Chính vì vậy nên đầu tiên ta đã nói: Giải thích một cách tóm tắt.

Hỏi: Vì lẽ gì gọi là Ma ha diễn?

Đáp: Ma ha diễn nghĩa là đối với Nhị thừa là trên, nên gọi là Đại thừa. Là thừa có thể đi đến quả chư Phật lớn nhất, nên gọi là Đại. Là chư Phật đại nhân nương theo thừa ấy, nên gọi là Đại. Lại có thể diệt trừ nỗi khổ lớn của chúng sinh, ban cho các việc lợi ích lớn, nên gọi là

Đại. Lại là chỗ nương theo mà hành của các vị Đại sĩ, các vị Bồ-tát như Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế, Văn-thù-sư-lợi, Di Lạc v.v... nên gọi là Đại. Lại, vì thừa này có thể đạt tới cùng tận biên vực, nguồn cội của tất cả các pháp, nên gọi là Đại. Như trong kinh Bát Nhã, Phật tự nói nghĩa của Ma ha diễn là vô lượng, vô biên, do nhân duyên này nên gọi là Đại. Nghĩa uyên thâm của phần Đại, gọi là “không”. Nếu có thể quán triệt được nghĩa này thì thông suốt Đại thừa, đầy đủ sáu Ba-la-mật, không còn chỗ chướng ngại. Vì thế, nên nay ta chỉ giải thích về “không”. Giải thích “không” phải dùng mười hai môn để thâm nhập nghĩa không, trước hết là môn nhân duyên, tức pháp do các duyên sinh ra:

Pháp do các duyên sinh

Tức không có tự tánh

Nếu không có tự tánh

Làm sao có pháp này?

Pháp được sinh do các duyên có hai thứ:

1. Trong.

2. Ngoài.

Các duyên cũng có hai thứ:

1. Trong.

2. Ngoài.

Nhân duyên bên ngoài, như viên đất sét, vòng quay, sợi dây, thợ gốm v.v... hòa hợp, nên có cái bình sinh. Lại, như có sự hòa hợp của chỉ tơ, động cơ, thợ dệt v.v... mới sản xuất ra thảm. Lại, như vì có nhồi đất, đắp nền, cột kèo, đất sét, rơm, nhân công v.v... hòa hợp, nên có được nhà. Lại, như vì có đồ đựng lạc, mũi khoan, nhân công khuấy v.v... hòa hợp, nên có tô sản sinh. Lại, như vì có hạt giống, đất, nước, gió, lửa, hư không, thời tiết, nhân công v.v... hòa hợp, nên mới có mầm nảy sinh. Phải biết, các pháp của duyên ngoài đều cũng như thế.

Nhân duyên bên trong: Đó là vô minh, hành, thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, mỗi nhân duyên đều nhân trước mà sinh sau.

Các pháp trong, ngoài như thế, đều từ các duyên xuất sinh, chẳng phải là không có tánh đó sao?

Nếu tự tánh của pháp không có, tha tánh cũng không có, thì tự, tha cũng không có. Vì sao? Vì nhân tha tánh, nên không có tự tánh. Nếu cho, do tha tánh nên có, thì bỏ do tánh ngựa nên có, ngựa do tánh bò mà có, cây lê do tánh cây nài nên có, cây nài do tánh cây lê mà có. Ngoài ra, các cây khác đều nên như vậy, mà thật sự thì không như thế.

Nếu cho, vì không do tha tánh nên có, chỉ vì nhân cái khác mà có, thì cũng không đúng. Vì sao? Vì lẽ, nếu do cỏ bồ nên có chiếu ấy, thì cỏ bồ và chiếu là một thể, không gọi là cái khác. Nếu cho, cỏ bồ đối với chiếu là cái khác, thì không được nói vì do cỏ bồ nên có chiếu. Vả lại, cỏ bồ cũng không có tự tánh. Vì sao? Vì cỏ bồ cũng từ mọi duyên xuất sinh nên không có tự tánh. Vì không có tự tánh nên không được nói là do tánh của cỏ bồ, nên có chiếu. Thế nên, chiếu không nên lấy cỏ bồ làm thể.

Các pháp do nhân duyên bên ngoài sinh ra, như bình, tô v.v..., đều cũng như thế, tức không thể được.

Pháp do nhân duyên bên trong sinh ra, đều cũng không thể được như thế, như trong Luận Thất Thập đã nói:

Pháp duyên thật không sinh

Nếu cho là có sinh

Là ở trong một tâm

Hay ở trong nhiều tâm?

Pháp mười hai duyên này thật sự tự chúng không có sinh. Nếu cho có sinh thì là có trong một tâm hay là có trong nhiều tâm? Nếu có trong một tâm, thì nhân quả sẽ sinh chung trong một thời điểm nhất định. Vả lại, nhân quả đều có cùng một lúc, thì việc này không đúng. Vì sao? Vì thông thường vật thể nào cũng nhân trước, quả sau. Nếu có trong mọi tâm thì pháp mười hai nhân duyên đều dị biệt: Tâm chung của phần vị trước đã diệt rồi, phần vị sau, cái gì sẽ làm nhân duyên cho diệt. Pháp không hề có thì cái gì được làm nhân. Nếu pháp mười hai nhân duyên có trước, thì lẽ ra hoặc một tâm, hoặc nhiều tâm, nhưng cả hai đều cùng không đúng, nên mọi duyên đều là duyên rỗng không. Vì duyên “không”, nên pháp từ duyên sinh cũng “không”. Chính vì thế, nên phải biết, tất cả pháp hữu vi đều “không”. Pháp hữu vi còn “không”, huống chi là ngã? Nhân vì pháp hữu vi: năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, nên nói có ngã. Như nhân có thể cháy, nên có sự cháy. Nếu ấm, nhập, giới “không”, thì càng không có pháp nào có thể nói là ngã, như không có thể cháy được, thì không thể nói là sự cháy. Như kinh nói: Phật bảo các Tỳ-kheo: Vì nhân nơi ngã nên có ngã sở, nếu không có ngã thì sẽ không có ngã sở. Như thế, vì pháp hữu vi “không”, nên phải biết, pháp Niết-bàn vô vi cũng “không”. Vì sao? Vì năm ấm này đã diệt, lại không sinh năm ấm khác nữa, đây gọi là Niết-bàn. Năm ấm xưa nay tự “không”, vì đâu có đối tượng diệt, nên được mang tên Niết-bàn. Vả lại, ngã cũng lại “không”, thử hỏi ai sẽ được Niết-bàn? Hơn

nữa, pháp không sinh được gọi là Niết-bàn. Nếu pháp sinh mà thành tựu, thì pháp không sinh cũng nên thành tựu, pháp sinh không thành, do trước đã nói nhân duyên, sau sẽ lại nói nữa, nên pháp sinh không thành, vì nhân nơi pháp sinh nên gọi không sinh. Nếu pháp sinh không thành, thì pháp không sinh làm sao thành được? Chính vì lẽ đó, nên hữu vi, vô vi và ngã đều “không”.
